

Ngày	38,450 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.9%	2.7%	-1.9%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	33,237 - 40,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,160
Số lượng CPLH (CP)	30,158,436
KLGD BQ 20 phiên (CP)	36,260
Sở hữu nước ngoài	15.5%
Beta	0.27
EPS	4,395
P/E	8.7

DT thuần

Q1/24

314

tỷ VNĐ

QoQ: ▼127| -28.8%

YoY: ▼43.0| -12.1%

LN trước thuế

Q1/24

23.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼17.2| -42.1%

YoY: ▼13.8| -36.9%

LN sau thuế

Q1/24

19.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼13.8| -41.0%

YoY: ▼10.4| -34.4%

ROA

2023

15.3%

+/- YoY: ▲ 0.7%

DT thuần

2023

1,529

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 174| 12.9%

LN trước thuế

2023

164

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 11.0| 7.2%

LN sau thuế

2023

134

tỷ VNĐ

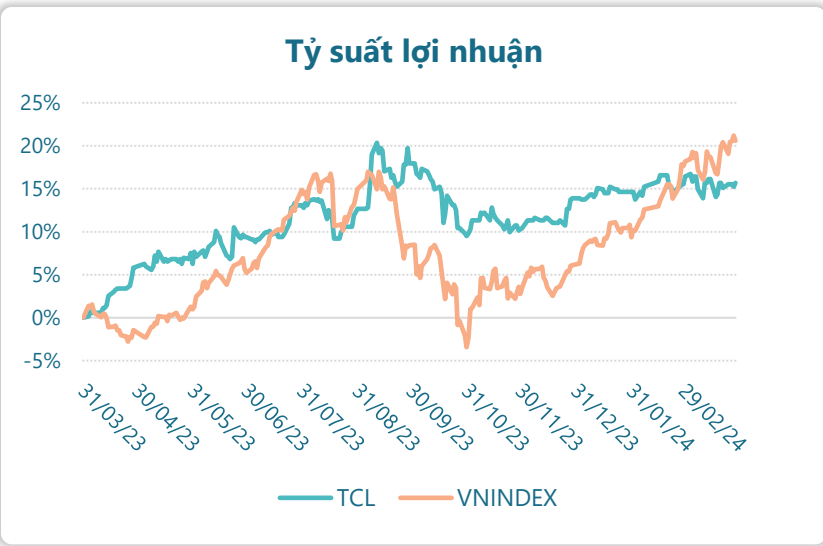
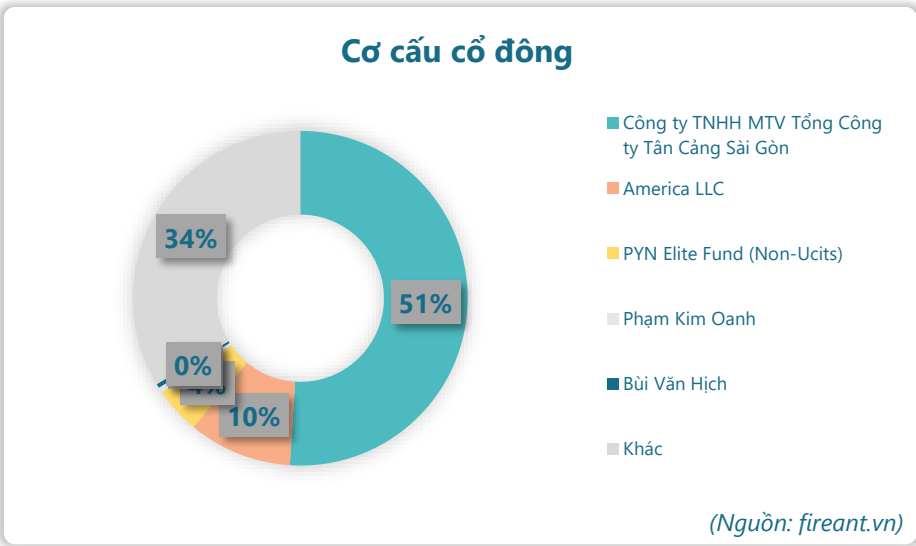
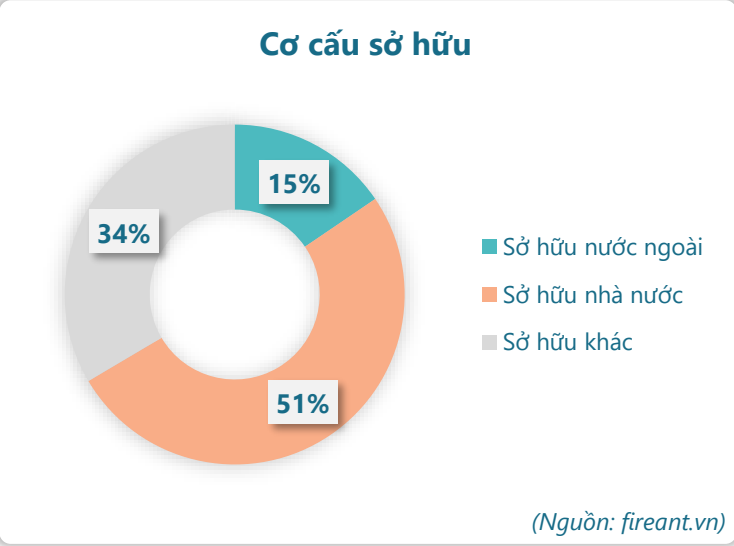
YoY: ▲ 9.00| 7.7%

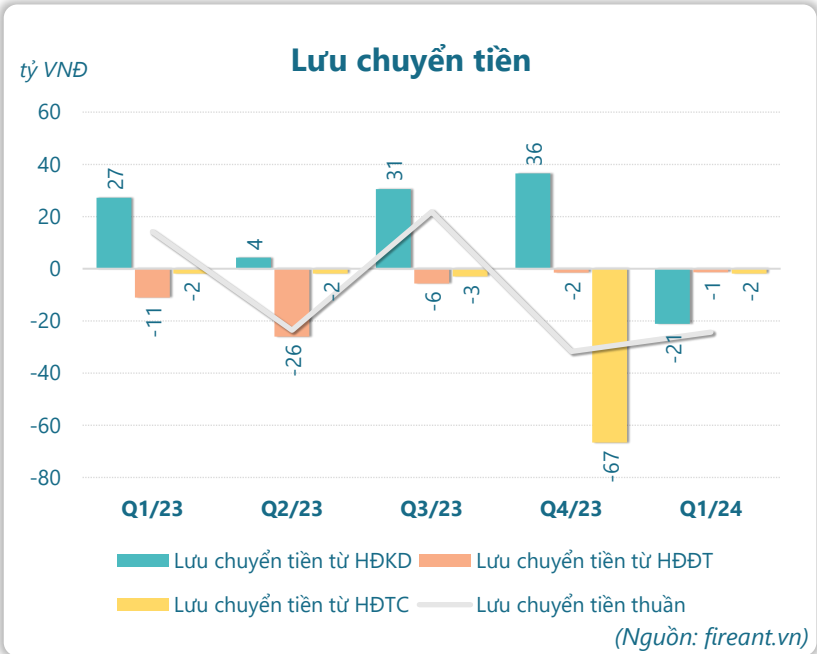
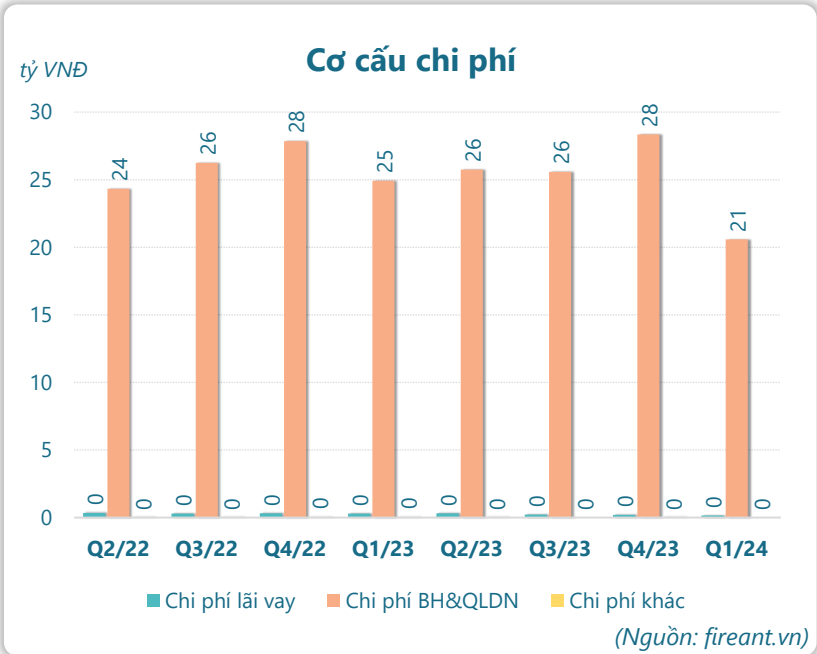
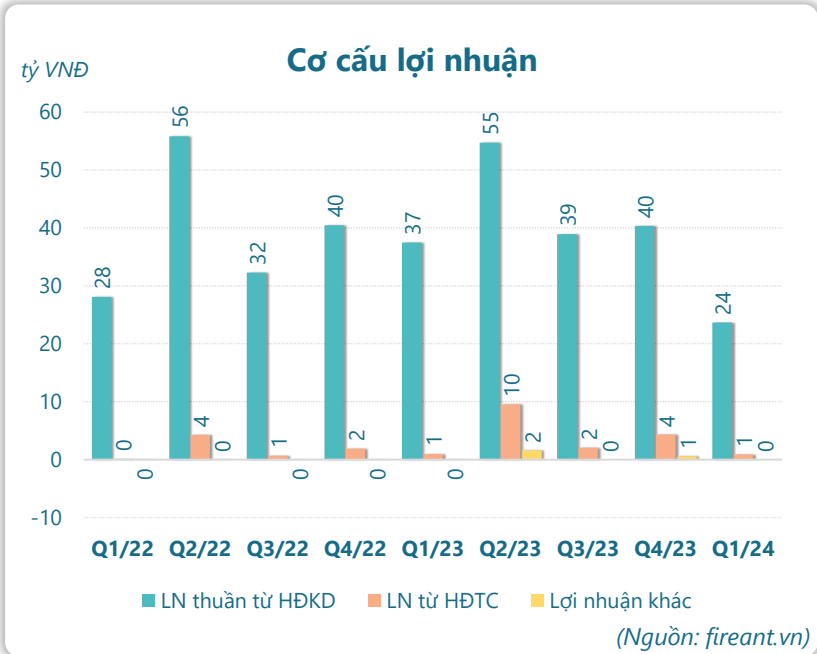
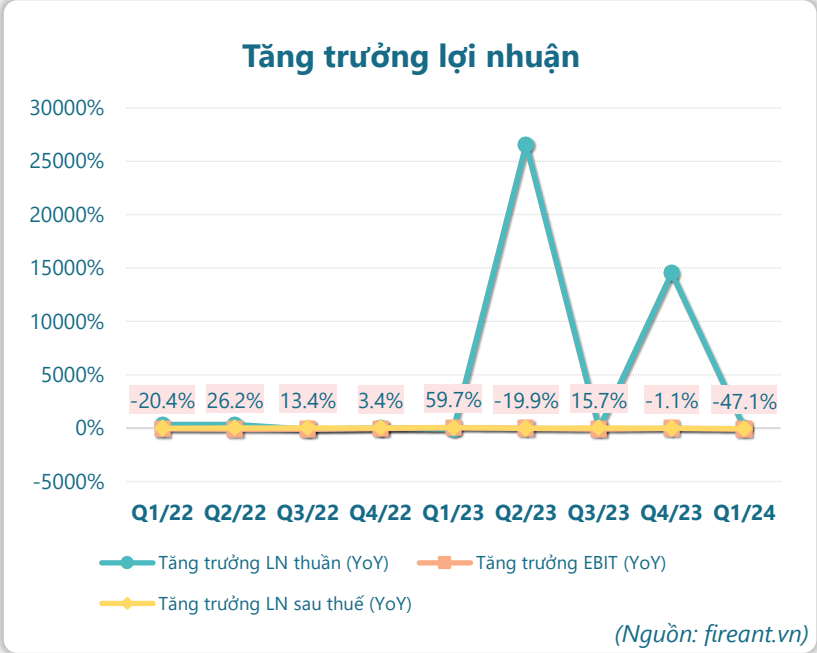
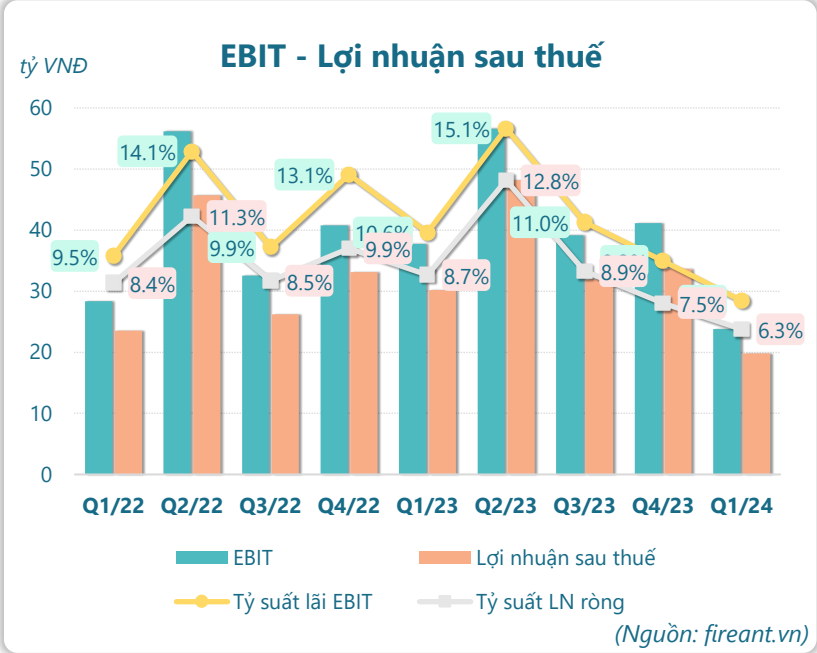
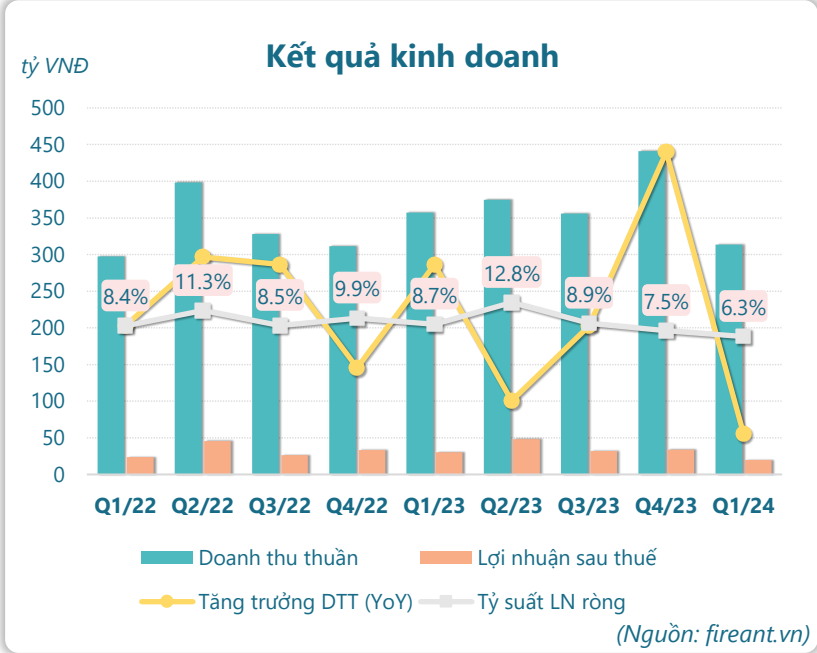
ROE

2023

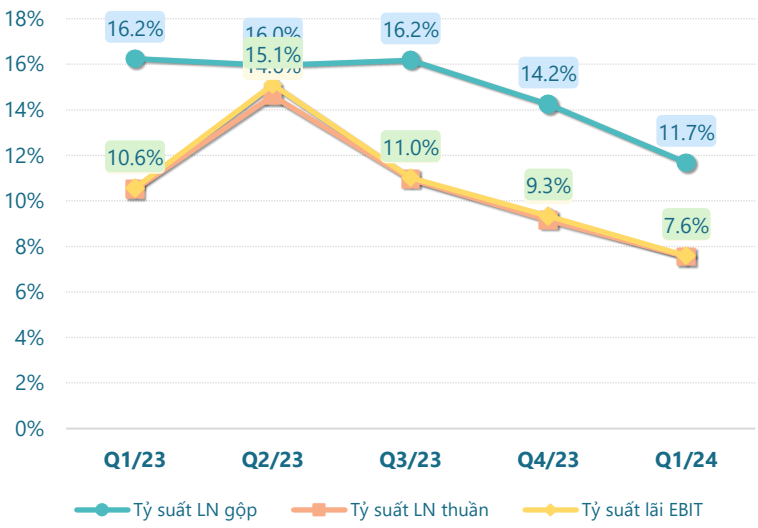
23.2%

+/- YoY: ▲ 1.3%



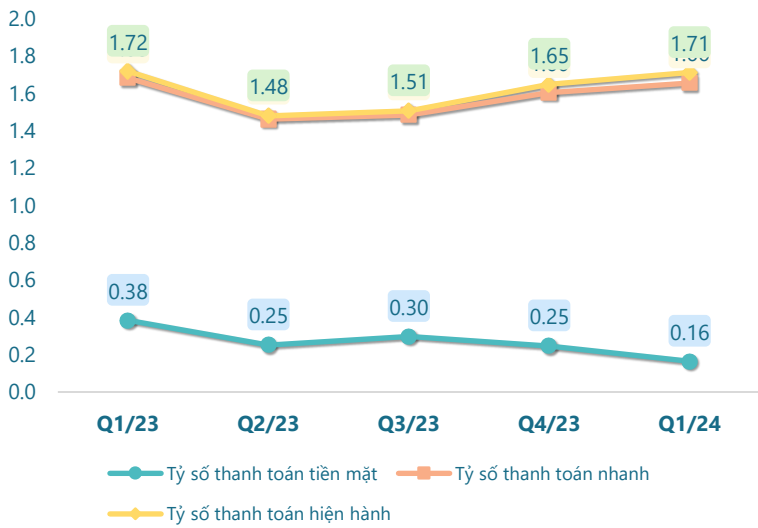


Tỷ suất lợi nhuận



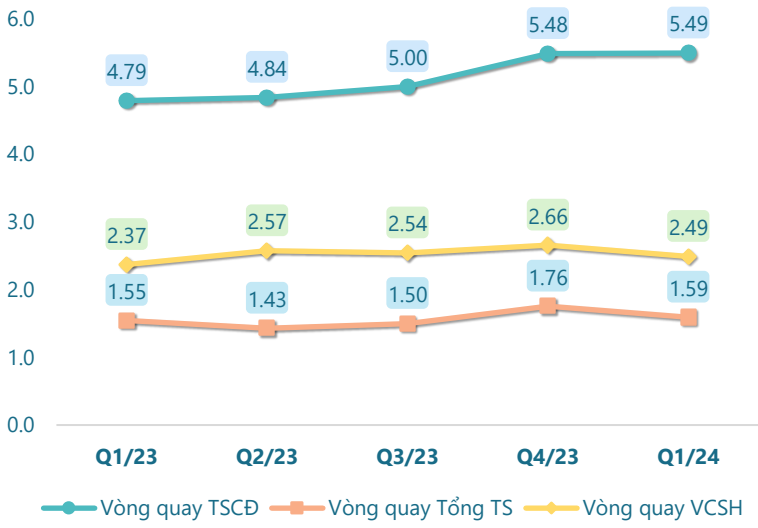
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



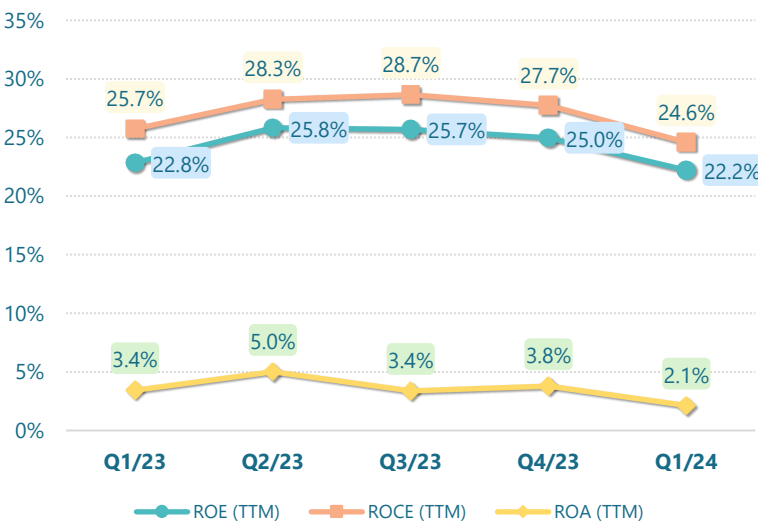
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



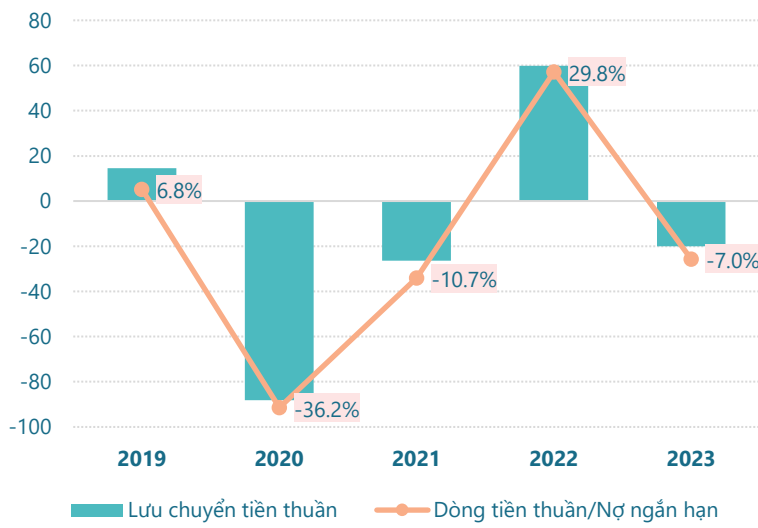
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



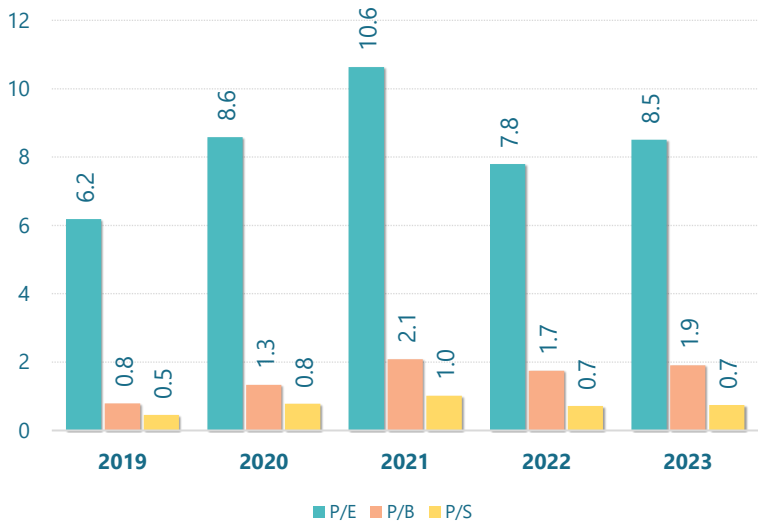
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)